

Lịch Sử Ẩn Kín của Câu Bốn Mười - Số Hai Mười Bốn

Ê-xê-chi-ên số năm

Jeff Pippenger

2026-08-10

Trong đoạn trích từ Testimonies, quyển năm, mà chúng ta đã xem xét trong vài bài viết gần đây, chúng ta được biết về khái tượng đền thờ đã được ban cho Ê-xê-chi-ên, Ê-sai và Giảng:

“Những bài học này là vì ích lợi của chúng ta. Chúng ta cần đặt đức tin mình vững vàng nơi Đức Chúa Trời, vì ngay trước mặt chúng ta là một thời kỳ sẽ thử luyện linh hồn loài người. Trên Núi Ô-li-ve, Đấng Christ đã thuật lại những sự phán xét kinh khiếp sẽ đi trước sự tái lâm của Ngài: ‘Các ngươi sẽ nghe về chiến tranh và tin đồn về chiến tranh.’ ‘Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân kia, và nước nọ nghịch cùng nước kia; sẽ có đói kém, dịch lệ, và động đất ở nhiều nơi. Tất cả những điều ấy chỉ là khởi đầu của cơn đau đớn.’ Trong khi những lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một phần trong sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, chúng còn có sự ứng dụng trực tiếp hơn đối với những ngày sau rốt.”

Ngày Mừng Chín tháng Av

Tisha B’Av, trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “ngày mùng Chín tháng Av”, là ngày của người Do Thái để tưởng niệm sự hủy diệt của cả Đền Thờ thứ nhất bởi người Ba-by-lôn vào năm 586 TCN và Đền Thờ thứ hai bởi Titus vào năm 70. Cả hai sự hủy diệt đều xảy ra vào cùng một ngày theo lịch—ngày mùng 9 của tháng Av theo lịch Hê-bơ-rơ (thường rơi vào tháng Bảy hoặc tháng Tám theo lịch Gregory). Khi Bà White đặt sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem song hành với “thời kỳ sẽ thử luyện linh hồn loài người” trong những ngày cuối cùng, bà đang xác định hai sự hủy diệt, cả hai đều minh họa cho luật ngày Chúa nhật sắp đến.

Câu mười sáu của Đa-ni-ên 11 tượng trưng cho luật ngày Chúa nhật ấy, và tương ứng với câu bốn mươi một. Trong Ê-xê-chi-ên, sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem được dùng để minh họa sự phân rẽ giữa các trình nữ khôn ngoan và dại dột vào thời điểm luật ngày Chúa nhật. Ê-xê-chi-ên là một kẻ bị lưu đày tại Ba-by-lôn khi ông được đưa đến Giê-ru-sa-lem một cách kỳ diệu để chứng kiến chính sự phân rẽ ấy trong các chương tám đến mười một.

Và xảy ra vào năm thứ sáu, tháng thứ sáu, ngày mùng năm trong tháng, khi tôi đang ngồi trong nhà mình, và các trưởng lão của Giu-đa đang ngồi trước mặt tôi, thì tay của Chúa Hằng Hữu đã giáng trên tôi tại đó. Bấy giờ tôi nhìn xem, kìa, có một hình dạng như thể diện mạo của lửa: từ phần hông trở xuống là lửa; còn từ phần hông trở lên thì như diện mạo của sự sáng chói, như màu hổ phách. Ngài đưa ra hình một bàn tay, nắm lấy một lọn tóc trên đầu tôi; và Thần cất tôi lên giữa đất và trời, rồi đem tôi trong các khái tượng của Đức Chúa Trời đến Giê-ru-sa-lem, tới cửa của cổng trong quay về phía bắc, nơi có chỗ đặt hình tượng ghen ghét, là vật gây nên sự ghen ghét. Ê-xê-chi-ên 8:1–3.

Bốn chương từ tám đến mười một là sự mô tả về cuộc phân rẽ, và Chì White, khi bình luận về Ê-xê-chi-ên chín, không những xác định rằng đó cũng chính là sự đóng ấn của Khải Huyền chương bảy, mà còn cho thấy rằng Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm ngày thứ bảy Lao-đi-xê trong những ngày sau rốt.

“Những người không cảm thấy đau buồn vì sự sa sút thuộc linh của chính mình, cũng không than khóc vì tội lỗi của người khác, sẽ bị để lại mà không có ấn của Đức Chúa Trời. Chúa truyền lệnh cho các sứ giả của Ngài, những người cầm khí giới hủy diệt trong tay: ‘Các người hãy theo sau người ấy mà đi khắp thành, và đánh giết: mắt các người chớ dung tha, cũng đừng thương xót: hãy giết hết thầy, già và trẻ, cả các thiếu nữ, con trẻ, và đàn bà: nhưng chớ đến gần bất cứ người nào có dấu trên mình; và hãy khởi sự từ nơi thánh của Ta. Bấy giờ họ khởi sự từ những người già cả ở trước nhà.’”

“Ở đây chúng ta thấy rằng hội thánh—đền thánh của Chúa—là nơi đầu tiên cảm nhận đòn giáng của cơn thịnh nộ Đức Chúa Trời. Những trưởng lão, những người mà Đức Chúa Trời đã ban cho ánh sáng lớn lao và đã đứng lên như những người canh giữ các quyền lợi thuộc linh của dân sự, đã phản bội sự ủy thác dành cho mình. Họ đã giữ lấy lập trường rằng chúng ta không cần trông đợi các phép lạ và sự biểu hiện rõ rệt của quyền năng Đức Chúa Trời như trong những ngày trước. Thời thế đã đổi thay. Những lời ấy làm vững mạnh sự vô tín của họ, và họ nói rằng: Chúa sẽ không làm lành, cũng sẽ không làm dữ. Ngài quá nhân từ để đoán phạt dân sự Ngài. Vì vậy, ‘Bình an và an ổn’ là tiếng kêu ra từ những người sẽ không bao giờ còn cất tiếng mình lên như tiếng kèn để chỉ cho dân sự Đức Chúa Trời những sự vi phạm của họ và cho nhà Gia-cóp những tội lỗi của mình. Những con chó câm không chịu sửa ấy chính là những kẻ phải cảm nhận sự báo thù công chính của một Đức Chúa Trời bị xúc phạm. Đàn ông, thiếu nữ, và trẻ nhỏ đều cùng nhau bị diệt vong.

“Những sự gớm ghiếc mà các kẻ trung tín than thở và kêu khóc vì đó chỉ là những điều mắt hữu hạn có thể nhận thấy; nhưng những tội lỗi tệ hại hơn nhiều, là những tội khiêu động cơn ghen của Đức Chúa Trời tinh sạch và thánh khiết, thì lại không được bày tỏ ra. Đáng tra xét lòng người vĩ đại biết mọi tội lỗi được phạm cách kín giấu bởi những kẻ làm điều gian ác. Những người này trở nên cảm thấy an ổn trong sự dối trá của mình, và vì sự nhịn nhục lâu dài của Ngài mà nói rằng Chúa không thấy, rồi hành động như thể Ngài đã lìa bỏ đất. Nhưng Ngài sẽ phơi bày sự đạo đức giả của họ, và sẽ mở ra trước mặt người khác những tội lỗi mà họ đã hết sức cẩn thận che giấu.”

“Không một địa vị cao sang nào, phẩm giá nào, hay sự khôn ngoan thuộc thế gian nào, cũng không một chức vụ thánh nào, có thể giữ loài người khỏi hy sinh nguyên tắc khi họ bị phó mặc cho tấm lòng dối trá của chính mình. Những kẻ từng được xem là xứng đáng và công chính lại chứng tỏ mình là những kẻ cầm đầu trong sự bội đạo, và là những gương mẫu về sự thờ ơ cùng việc lạm dụng các ân huệ của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ không còn dung thứ đường lối gian ác của họ nữa, và trong cơn thịnh nộ của Ngài, Ngài đối xử với họ chẳng chút thương xót.”

“Đức Chúa Trời chỉ miễn cưỡng rút sự hiện diện của Ngài khỏi những kẻ đã được ban cho ánh sáng lớn và đã cảm nhận quyền năng của lời Ngài khi hầu việc người khác. Họ đã từng là những tôi tớ trung tín của Ngài, được ân đãi bằng sự hiện diện và sự dẫn dắt của Ngài; nhưng họ đã lìa bỏ Ngài và dẫn dắt những người khác vào sự lầm lạc, vì thế họ bị đặt dưới sự không

đẹp lòng của Đức Chúa Trời.” Chúng Đạo, quyển 5, 211, 212.

Toàn bộ sách Ê-xê-chi-ên được đặt trong bối cảnh sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Trong lời chứng của Ê-xê-chi-ên, cuộc vây hãm của Nê-bu-cát-nết-sa kéo dài một năm rưỡi được ghi dấu cách đặc biệt, nhưng “sự ứng dụng trực tiếp hơn” của lời cảnh báo của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ đoạn hai mươi bốn lại thuộc về những ngày sau rốt. Trong sách Ê-xê-chi-ên, đường lối lẽ thật ấy được tìm thấy nơi đoạn hai mươi bốn.

Ngày 15 tháng 1 năm 588 TCN

Lại nữa, nhằm năm thứ chín, tháng thứ mười, ngày mồng mười trong tháng, lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hỡi con người, hãy ghi lấy tên của ngày này, tức chính ngày này; vua Ba-by-lôn đã vây hãm Giê-ru-sa-lem trong chính ngày này. Ê-xê-chi-ên 24:1, 2.

Vào ngày này, vốn cũng được xác lập bởi những chứng cứ Kinh Thánh khác, một cuộc vây hãm kéo dài mười tám tháng đã bắt đầu. Lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-xê-chi-ên vào ngày ấy gồm có ẩn dụ về thành đổ máu, được minh họa bằng một nồi nước sôi tiếp theo là một ngọn lửa lớn. Ẩn dụ ấy rõ ràng tượng trưng cho sự phán xét giáng trên Giê-ru-sa-lem, và trong cùng chương đó, tiếp theo là việc vợ của Ê-xê-chi-ên được đưa vào yên nghỉ bởi một cơn đột quy như một dấu hiệu tượng trưng rằng cuộc vây hãm, cuộc vây hãm cuối cùng sẽ hủy diệt đền thánh, đã bắt đầu.

Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hỡi con người, này, Ta sẽ cắt khỏi ngươi điều mắt ngươi ao ước chỉ trong một cơn đánh phạt; nhưng ngươi chớ than khóc hay khóc lóc, cũng đừng để nước mắt tuôn rơi. Hãy nén tiếng kêu than, chớ để tang người chết, hãy quấn khăn trên đầu ngươi, mang giày vào chân, chớ che môi, và đừng ăn bánh của người ta. Vậy, buổi sáng tôi nói cùng dân sự; đến chiều, vợ tôi chết; và sáng hôm sau tôi làm y như điều tôi đã được truyền dạy. Ê-xê-chi-ên 24:15–18.

Bấy giờ, dân chúng quanh Ê-xê-chi-ên hỏi ý nghĩa của lời ngụ ngôn ấy và cái chết của vợ ông.

Bấy giờ dân sự nói với tôi rằng: Ông không cho chúng tôi biết những điều ấy có ý nghĩa gì đối với chúng tôi, vì sao ông làm như vậy sao? Tôi bèn trả lời họ: Lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: Hãy nói với nhà Y-sơ-ra-ên rằng, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ làm ô uế nơi thánh của Ta, niềm vinh hiển của sức mạnh các ngươi, điều mắt các ngươi ham muốn, và điều linh hồn các ngươi thương tiếc; còn các con trai và các con gái mà các ngươi đã để lại sẽ ngã bởi gươm. Ê-xê-chi-ên 24:19–21.

Trong phân đoạn này, vợ của Ê-xê-chi-ên và đền thánh đều được xác định là “điều mắt ngươi ưa thích”. Các sử gia Kinh Thánh xác định rằng cuộc vây hãm kéo dài mười tám tháng, trong khi các cuộc vây hãm của Cestius và Titus kéo dài bốn năm, từ năm 66 đến năm 70. Nếu tính sát thời gian từ cuộc vây hãm đầu tiên của Cestius cho đến sự hủy diệt thì là ba năm rưỡi; nhưng khi áp dụng “cách tính bao gồm,” là cách áp dụng thường được dùng nhất trong Kinh Thánh, thì là bốn năm. Việc biết rằng cả hai cách tính đều hợp lệ cho phép chúng ta thấy vừa ba năm rưỡi từ Cestius đến Titus, vừa bốn năm.

Chúng ta có hai chứng nhân về luật ngày Chúa nhật trong hai lần hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, và các chi tiết của cả hai lịch sử ấy đều phải được áp dụng cho luật ngày Chúa nhật sắp đến—khi

Lao-đi-xê sẽ bị phun ra khỏi miệng của Chúa. Sự khởi đầu của cuộc vây hãm của Nê-bu-cát-nét-sa được đánh dấu bằng cái chết của vợ Ê-xê-chi-ên. Khi bà qua đời, Ê-xê-chi-ên được truyền lệnh không được công khai than khóc, vì ông là dấu hiệu về việc dân Giu-đa bị đem đi lưu đày.

Sự khởi đầu của giai đoạn bốn năm từ năm 66 đến năm 70 được đánh dấu bởi dấu hiệu của sự góm ghiếc hoang tàn, là dấu hiệu để các Cơ Đốc nhân tại Giê-ru-sa-lem chạy trốn.

Vậy khi các người thấy sự góm ghiếc của sự hoang tàn, mà đấng tiên tri Đa-ni-ên đã phán, đứng trong nơi thánh, (ai đọc hãy hiểu:) thì những kẻ ở Giu-đê phải trốn vào núi. Ma-thi-ơ 24:15,16.

Hai cuộc vây hãm rõ ràng tương ứng với nhau, và cả hai cuộc vây hãm đều chứa đựng một “dấu hiệu” ở phần mở đầu của cuộc vây hãm. Khi Ê-xê-chi-ên giải thích ý nghĩa cái chết của vợ mình và việc ông không than khóc, ông đã giải thích rồi ghi chép lại:

Vậy, Ê-xê-chi-ên sẽ là một dấu hiệu cho các người: hết thấy những gì người đã làm, các người cũng sẽ làm như vậy; và khi điều này xảy đến, các người sẽ biết rằng Ta là Chúa Giê-hô-va. Ê-xê-chi-ên 24:24.

Dấu hiệu về cái chết của vợ Ê-xê-chi-ên là sự đồng nhất với sự hủy diệt sắp đến của Giê-ru-sa-lem và đền thờ, cùng cuộc lưu đày tiếp theo tại Ba-by-lôn. Dấu hiệu của sự góm ghiếc tàn phá, như Đa-ni-ên đã nói đến, là một lời cảnh báo để trốn khỏi sự hủy diệt, nhưng cả hai cuộc vây hãm đều có một dấu hiệu ở lúc khởi đầu.

Sẽ có một cuộc vây hãm mang tính tiên tri trước đạo luật Chúa nhật sắp đến, và cái chết của vợ Ê-xê-chi-ên là biểu tượng cho việc hội thánh Cơ Đốc Phục Lâm Lao-đi-xê đã hoàn toàn bị bỏ qua; còn Ê-xê-chi-ên là biểu tượng của một trăm bốn mươi bốn ngàn, và là biểu tượng của ngọn cờ được dựng lên vào lúc khởi đầu cuộc vây hãm. Ê-xê-chi-ên là ngọn cờ của một trăm bốn mươi bốn ngàn vào lúc bắt đầu cuộc vây hãm Ba-by-lôn, và dấu hiệu của sự góm ghiếc hoang tàn vào lúc khởi đầu là “dấu hiệu” của La Mã. Một dấu hiệu nói đến sự cảnh báo nội bộ, còn dấu hiệu kia nói đến sự cảnh báo bên ngoài. Chắc chắn đã có một lời cảnh báo cho các Cơ Đốc nhân vào năm 66, nhưng dấu hiệu cảnh báo ấy là La Mã. Dấu hiệu trong sự hủy diệt của Ba-by-lôn là vợ của Ê-xê-chi-ên. La Mã là hạng người nhận dấu con thú, còn Ê-xê-chi-ên là dấu hiệu của những người nhận ấn của Đức Chúa Trời.

Hai Giai Đoạn Kết Thúc

Cuộc vây hãm thứ nhất kéo dài mười tám tháng, và cuộc vây hãm thứ hai kéo dài bốn năm. Cả hai cuộc vây hãm đều tìm thấy sự ứng nghiệm “trực tiếp hơn” của mình trong những ngày sau rốt, và cả hai cuộc vây hãm đều liên hệ trực tiếp với lời tiên tri về ba trăm chín mươi một năm và mười lăm ngày được chép trong Khải Huyền 9:15.

Khởi đầu của năm tháng trong Khải Huyền đoạn chín, câu mười, bao hàm một lịch sử đánh dấu một giai đoạn ba mươi tám năm, đạt đến đỉnh điểm trong một cuộc vây hãm bốn năm, gắn liền với con số ba mươi tám, và xác định sự trỗi dậy của Hồi giáo. Cuộc vây hãm bốn năm ấy có sự tương ứng của nó trong lịch sử bắt đầu khi (năm tháng) một trăm năm mươi năm kết thúc và ba trăm chín

mười một năm mười lăm ngày bắt đầu. Nó khởi sự vào ngày 27 tháng 7 năm 1449, và bốn năm sau, Hội giáo đã đem đến một cuộc vây hãm năm mười lăm ngày chống lại Constantinople, kết thúc vào ngày 29 tháng 5 năm 1453.

Khi lời tiên tri về thời gian khởi đầu vào ngày 27 tháng 7 năm 1449 kết thúc vào ngày 11 tháng 8 năm 1844, thì bốn năm của phong trào thiên sứ thứ nhất và thứ hai từ năm 1840 đến năm 1844 tương ứng với cuộc vây hãm bốn năm từ năm 1333 đến năm 1337, và cả giai đoạn bốn năm từ năm 1449 đến năm 1453. Ba chứng nhân ấy, vốn đều trực tiếp thuộc cùng một đường tiên tri, tiêu biểu cho một giai đoạn bốn năm mang tính biểu tượng, trong đó phong trào của thiên sứ thứ nhất và thứ hai từ năm 1840 đến năm 1844 được lặp lại trong lịch sử của phong trào thiên sứ thứ ba. Ba chứng nhân ấy làm hình bóng cho một cuộc vây hãm bốn năm trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Giai đoạn bốn năm ấy cũng được minh họa bởi các cuộc vây hãm thành Giê-ru-sa-lem vào các năm 66 và 70.

Khởi đầu của cuộc vây hãm bốn năm do Cestius tiến hành vào năm 66, rồi sự kết thúc bởi Titus vào năm 70, tạo nên một biểu tượng alpha và một biểu tượng omega cho khoảng thời gian bốn năm ấy. Cũng chính khoảng thời gian đó còn được trình bày như ba năm rưỡi, điều này đến lượt nó tương ứng với ba năm rưỡi tiên tri mà La Mã giáo hoàng đã giày đạp đền thánh.

Nhưng sân ngoài đền thờ thì hãy để ra ngoài, đừng đo nó; vì nó đã được giao cho dân Ngoại; và họ sẽ giày đạp thành thánh trong bốn mươi hai tháng. Và Ta sẽ ban quyền năng cho hai nhân chứng của Ta, và họ sẽ nói tiên tri trong một nghìn hai trăm sáu mươi ngày, mặc áo vải thô. Khải Huyền 11:2, 3.

Và họ sẽ ngã dưới lưỡi gươm, và sẽ bị dẫn đi làm phu tù giữa mọi dân tộc; và Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân Ngoại chà đạp, cho đến khi kỳ của dân Ngoại được trọn. Lu-ca 21:24.

Điều cốt yếu cần lưu ý là tôi đang áp dụng cả cách tính “bao hàm” lẫn “loại trừ” cho khoảng thời gian được tượng trưng bởi biểu tượng alpha của Cestius cho đến biểu tượng omega của Titus. Điều này xác định rằng có hai cách áp dụng về thời gian được thể hiện trong cùng một lịch sử. Chúng ta đã bàn đến nguyên tắc Kinh Thánh này khi xem xét (trong nhiều bài viết trước), khoảng thời gian giữa chuyến viếng thăm của Đức Chúa Jê-sus đến Caesarea-Philippi (Paniam) và chuyến đi của Ngài lên Núi Hóa Hình. Hai tác giả Kinh Thánh ghi lại là sáu ngày, còn một người ghi là tám ngày.

Sáu ngày sau, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng là em người, cùng đi riêng lên trên một núi cao. Ma-thi-ơ 17:1.

Sáu ngày sau, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đi riêng với Ngài, dẫn họ lên một ngọn núi cao, chỉ có họ mà thôi; và Ngài đã biến hình trước mặt họ. Mác 9:2.

Khoảng tám ngày sau những lời ấy, Ngài đem Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ lên núi để cầu nguyện. Lu-ca 9:28.

Sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem có một sự ứng nghiệm “trực tiếp hơn” cho những ngày sau rốt, và sự hủy diệt ấy là hai nhân chứng được tiêu biểu bởi Ba-by-lôn và La Mã. Hai nhân chứng ấy tương ứng với nhau, nhưng cung cấp những đặc điểm tiên tri khác nhau và thiết yếu để làm sáng tỏ chân lý. Cuộc vây hãm bởi La Mã (66 đến 70) kéo dài bốn năm, mà cũng tiêu biểu cho ba năm rưỡi. Ba

năm rưỡi ấy liên hệ với việc giày đạp đền thánh và đạo binh, được thực hiện bởi cả ngoại giáo lẫn giáo quyền. Việc giày đạp bởi giáo quyền kéo dài ba năm rưỡi mang tính biểu tượng, như được hình bóng qua ba năm rưỡi theo nghĩa đen trong cuộc vây hãm bởi La Mã.

Cuộc vây hãm kéo dài bốn năm ấy cũng liên hệ với các giai đoạn bốn năm gắn liền với đường tiên tri xác định sự dấy lên của Hồi giáo, và sau đó là sự dấy lên của phong trào gồm cả thiên sứ thứ nhất, thứ hai, rồi thứ ba. Từ Cestius đến Titus giao cắt với bánh xe của La Mã giáo hoàng, và cũng với bánh xe của Hồi giáo. Bánh xe của La Mã và ba năm rưỡi của Cestius và Titus giao cắt với ba năm rưỡi mang tính biểu tượng của La Mã giáo hoàng, nhờ đó xác định hai thực thể là La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Bánh xe của Hồi giáo được nối kết bởi cùng một lịch sử ấy khi được hiểu là bốn năm, nhưng cũng như với bánh xe của La Mã trong lịch sử đó, Hồi giáo được liên kết với một quyền lực thứ hai lệ thuộc vào bánh xe của Hồi giáo—đó là Cơ Đốc Phục Lâm. Giai đoạn ba năm rưỡi đại diện cho La Mã trong cả hai pha của nó, còn giai đoạn bốn năm đại diện cho Hồi giáo và Cơ Đốc Phục Lâm. La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng không thể bị tách rời về phương diện tiên tri, và Hồi giáo với Cơ Đốc Phục Lâm cũng vậy.

Điều này đòi hỏi theo phương diện tiên tri rằng khi chúng ta xem xét cuộc vây hãm Babylon, phải thấy trong hình minh họa về cuộc vây hãm mười tám tháng có hai cách hiểu về thời gian. Hai sự biểu trưng về thời gian trong cuộc vây hãm do La Mã đem đến, theo tiên tri đòi hỏi phải có hai sự biểu trưng về thời gian trong cuộc vây hãm do Nê-bu-cát-nét-sa đem đến. Cuộc vây hãm mười tám tháng của Nê-bu-cát-nét-sa cũng có thể được hiểu như một biểu tượng của một năm rưỡi. Mười tám tháng là một năm rưỡi, và một năm rưỡi có thể được diễn đạt là 1.5 năm. Cuộc vây hãm của Nê-bu-cát-nét-sa vừa là mười tám tháng vừa là một phẩy năm (1.5) năm.

Mười tám tháng đề cập đến quyền lực đã giày đạp Giê-ru-sa-lem, còn một năm rưỡi đề cập đến Hồi giáo. Bánh xe tiên tri của sự tính toán, vốn xác định mười tám tháng, xác định Ba-by-lôn; còn bánh xe tiên tri khác của sự tính toán xác định Hồi giáo. Chúng tôi vẫn chưa trình bày lời giải thích về cách chúng tôi đi đến việc áp dụng khoảng thời gian một năm rưỡi trong mối liên hệ với Hồi giáo, nhưng cần lưu ý rằng hai cách tính thời gian trong sự hủy diệt do La Mã mang đến có liên hệ với bánh xe tiên tri của La Mã (cả ngoại giáo lẫn giáo hoàng), và cách tính kia có liên hệ với bánh xe tiên tri của Hồi giáo. Những đặc điểm này được thấy trong cả sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem thời alpha lẫn omega.

Bốn năm vây hãm Giê-ru-sa-lem với Cestius và Titus tượng trưng cho sự kết thúc của một đường dây tiên tri đã bắt đầu bằng một giai đoạn ba mươi tám năm, giai đoạn ấy kết thúc bằng một cuộc vây hãm bốn năm tượng trưng cho sự dấy lên của Hồi giáo; và giai đoạn bốn năm cuối cùng trong chính cùng một đường dây ấy tượng trưng cho sự giương cao ngọn cờ hiệu của một trăm bốn mươi bốn ngàn người.

Chúng tôi sẽ tiếp tục những điều này trong bài viết tiếp theo.